

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 7 ngày 07/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản;
- Kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (trừ hoạt động thú y);
- Dự trữ quốc gia về thú y, thú y thủy sản.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Tuấn Khanh	Chủ tịch	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Phạm Quang Thái	Chủ tịch	(miễn nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Phạm Quang Thái	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Chủ tịch	(miễn nhiệm từ 04/5/2021)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Thái	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm từ 04/5/2021)
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Mạnh Lân	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Huân	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mi Sa	Trưởng ban
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên
Bà Tống Thị Ngọc Nga	Thành viên

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

PHẠM QUANG THÁI

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 231/2021/DFK – BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông****Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco**, được lập ngày 22/3/2022, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco** tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22/3/2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**Nguyễn Lương Nhân****Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2018-042-1

**Phạm Thị Quỳnh Dung****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2846-2020-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01 - DN

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		496.548.212.220	458.995.879.042
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	32.897.689.862	105.763.143.483
1. Tiền	111		17.897.689.862	17.763.143.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	88.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		223.455.760.037	118.178.968.865
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	183.836.537.863	88.978.308.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	21.694.874.473	20.107.862.429
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	17.924.347.701	10.092.860.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.000.062.087)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	239.181.378.661	231.308.297.526
1. Hàng tồn kho	141		239.181.378.661	231.308.297.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.013.383.660	3.745.469.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	918.355.698	1.378.474.365
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12b	-	2.333.010.803
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	95.027.962	33.984.000
B. Tài sản dài hạn	200		421.949.643.756	464.428.237.294
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		2.529.187.232	2.419.187.232
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.529.187.232	2.419.187.232
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		179.719.182.870	223.711.299.904
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	179.719.182.870	223.711.299.904
- Nguyên giá	222		530.918.624.136	521.809.292.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.199.441.266)	(298.097.992.851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		222.818.390	222.818.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.818.390)	(222.818.390)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		25.878.419.123	25.915.335.123
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	25.878.419.123	25.915.335.123
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	201.500.000.000	201.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		201.500.000.000	201.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		12.322.854.531	10.882.415.035
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	12.322.854.531	10.882.415.035
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		918.497.855.976	923.424.116.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01 - DN

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		583.280.992.504	592.397.623.564
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		381.780.992.504	390.897.623.564
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	26.570.952.599	58.174.205.330
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.352.298.327	2.219.245.102
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	5.925.372.548	4.040.418.618
4. Phải trả người lao động	314	V.13	11.199.030.000	2.678.210.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	29.173.526.118	42.912.519.071
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	305.205.294.104	250.469.722.652
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	30.656.151.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	354.518.808	(252.848.859)
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		201.500.000.000	201.500.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	201.500.000.000	201.500.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	335.216.863.472	331.026.492.772
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		312.323.939.773	307.744.153.073
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		134.223.920.909	129.267.722.889
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.100.018.864	18.476.430.184
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.505.636.452	15.130.972.873
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.594.382.412	3.345.457.311
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430	V.19	22.892.923.699	23.282.339.699
1. Nguồn kinh phí	431		21.923.548.699	21.960.464.699
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		969.375.000	1.321.875.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		918.497.855.976	923.424.116.336

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Đỗ Thị Hải Thanh

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Phạm Quang Thái

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

MẪU B02 - DN

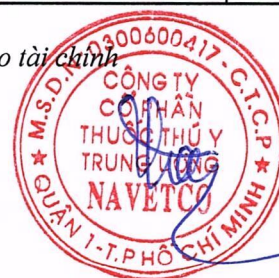
Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	607.952.002.097	613.600.032.995
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		524.000.000	477.000.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		607.428.002.097	613.123.032.995
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	393.314.920.762	373.560.029.892
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		214.113.081.335	239.563.003.103
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.650.825.495	3.208.933.027
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.179.819.457	4.200.093.761
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	31.232.877
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	68.152.304.212	101.830.272.137
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	52.084.852.032	48.777.175.473
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.346.931.129	87.964.394.759
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	2.667.657.393	4.517.577.361
12.	Chi phí khác	32	VI.08	8.921.666.451	868.661.483
13.	Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(6.254.009.058)	3.648.915.878
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.092.922.071	91.613.310.637
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	19.056.467.704	18.766.594.424
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.036.454.367	72.846.716.213
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.291	3.575
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.291	3.575

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

HT

Kim Lan



Đỗ Thị Hải Thanh

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Phạm Quang Thái

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

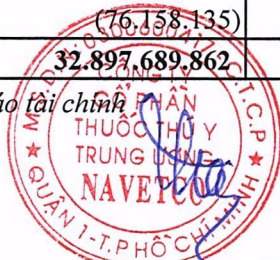
Năm 2021

MẪU B03 - DN

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	86.092.922.071	91.613.310.637
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	53.704.866.896	52.907.672.168
Các khoản dự phòng	03	(31.656.213.737)	(38.515.672.125)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	76.158.135	(18.603.979)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.501.296.032)	(3.647.291.812)
Chi phí lãi vay	06	-	31.232.877
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	106.716.437.333	102.370.647.766
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(102.114.762.244)	29.112.182.977
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(7.873.081.135)	(67.802.935.924)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	11.242.279.643	(6.520.196.849)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(980.320.829)	2.207.788.331
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(31.232.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.366.594.424)	(19.762.113.136)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.849.300.000)	(18.959.330.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(24.225.341.656)	20.614.810.288
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(10.157.775.106)	(36.572.654.605)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	22	118.181.818	468.636.364
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.475.639.458	3.178.655.448
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(8.563.953.830)	(32.925.362.793)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	481.460.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(291.270.000)
Tiền thu từ đi vay	33	-	10.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(10.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.000.000.000)	(44.698.640.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(40.000.000.000)	(44.508.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(72.789.295.486)	(56.819.002.505)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	105.763.143.483	162.628.008.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(76.158.135)	(45.862.404)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.897.689.862	105.763.143.483

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Thị Hải Thanh

Nguyễn Thị Kim Lan

Phạm Quang Thái

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là VET kể từ ngày 18/5/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2017/GCNCP-VSD ngày 17/5/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ số 164 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0300600417-001;
- Chi nhánh Bình Dương tại Lô 205 đường số 6 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, mã số doanh nghiệp: 0300600417-003;
- Chi nhánh miền Tây tại địa chỉ số 23A, Nguyễn Đệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, mã số doanh nghiệp: 0300600417-004.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản;
- Kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (trừ hoạt động thú y);
- Dự trữ quốc gia về thú y, thú y thủy sản.

4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 31/12/2021 là 307 người.

II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị, dụng cụ	05 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt		2.455.755.487		2.270.633.447
Tiền gửi ngân hàng		15.441.934.375		15.492.510.036
Các khoản tương đương tiền	(1.1)	15.000.000.000		88.000.000.000
Cộng		32.897.689.862		105.763.143.483
(1.1) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng ở Việt Nam.				
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Cục Thú Y		122.735.428.200		4.000.000
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% số dư phải thu khách hàng)		61.101.109.663		88.974.308.053
Cộng		183.836.537.863		88.978.308.053
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Công ty CP Quốc tế Đông Dương		14.676.265.098		6.522.784.488
- Công ty CP Xây lắp Nhà vui		-		4.286.317.558
- Công ty TNHH TM Chính Quang		-		3.043.590.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác		7.018.609.375		6.255.170.383
Cộng		21.694.874.473		20.107.862.429
4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Ngắn hạn				
- Khoản thu hàng hóa cho Khách hàng mượn		11.283.659.783		7.927.786.948
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên		606.298.600		975.782.000
- Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam		5.914.529.266		1.060.637.940
- Ký quỹ ngắn hạn khác		100.656.000		117.656.000
- Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa		19.204.052		10.997.582
Cộng		17.924.347.701		10.092.860.470
b) Dài hạn				
- Ký quỹ dài hạn khác		2.529.187.232		2.419.187.232
Cộng		2.529.187.232		2.419.187.232
5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	66.269.664.514	-	131.909.946.807	-
- Công cụ dụng cụ	960.977.642	-	1.375.342.536	-
- Chi phí sản xuất dở dang	4.712.973.015	-	10.933.529.866	-
- Thành phẩm	115.074.976.328	-	70.929.281.462	-
- Hàng hóa	52.162.787.162	-	16.160.196.855	-
Cộng	239.181.378.661	-	231.308.297.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

6. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	179.847.507.438	-	-	179.847.507.438
Máy móc, thiết bị	299.734.846.766	10.157.775.106	215.716.452	309.676.905.420
Phương tiện vận tải	42.226.938.551	-	832.727.273	41.394.211.278
Cộng	521.809.292.755	10.157.775.106	1.048.443.725	530.918.624.136
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	68.161.652.946	17.548.996.116	-	85.710.649.062
Máy móc, thiết bị	203.085.396.658	31.854.945.563	215.716.452	234.724.625.769
Phương tiện vận tải	26.850.943.247	4.653.425.217	740.202.029	30.764.166.435
Cộng	298.097.992.851	54.057.366.896	955.918.481	351.199.441.266
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	111.685.854.492			94.136.858.376
Máy móc, thiết bị	96.649.450.108			74.952.279.651
Phương tiện vận tải	15.375.995.304			10.630.044.843
Cộng	223.711.299.904			179.719.182.870

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do mua sắm mới và từ xây dựng cơ bản; giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 142.637.390.693 đồng.

Khấu hao tài sản cố định năm 2021 được trích vào chi phí là 53.704.866.896 đồng và trích từ nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ là 352.500.000 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Giá trị còn lại				
Phần mềm	-			-
Cộng	-			-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.818.390 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	3.671.310.000	3.671.310.000
Chi phí xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia	22.207.109.123	22.244.025.123
Cộng	25.878.419.123	25.915.335.123

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác						
Bảo Trí Invest	82.680.000.000	82.680.000.000	-	82.680.000.000	82.680.000.000	-
NDC An Khang	118.820.000.000	118.820.000.000	-	118.820.000.000	118.820.000.000	-
Cộng	201.500.000.000	201.500.000.000	-	201.500.000.000	201.500.000.000	-

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest** theo hợp đồng góp vốn ngày 20/12/2018. Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0315356391 ngày 14/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 2.326.110.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 82.680.000.000 đồng, tương ứng 82.680 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 3,55% vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest.

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần NDC An Khang** theo hợp đồng góp vốn ngày 17/4/2018. Công ty Cổ phần NDC An Khang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0314776107 ngày 07/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 2.861.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 118.820.000.000 đồng, tương ứng 118.820 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 4,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần NDC An Khang.

Căn cứ Hợp đồng số 2017/HĐ/HL-PT-NVC ngày 14/12/2017 giữa ba Cổ đông cùng góp vốn là: Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương Navetco, Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Phú Trí, sau khi Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương Navetco hoàn tất nhận khoản cổ tức một lần theo cổ phần ưu đãi cổ tức loại A từ Công ty CP Đầu tư và TM An Khang (nay là Công ty Bảo Trí Invest) và Công ty CP Đầu tư và TM An Bảo Thịnh (nay là Công ty NDC An Khang) thì sẽ không còn bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến hiệu quả kinh doanh của Công ty Bảo Trí Invest và Công ty NDC An Khang kể từ năm 2018.

10. Chi phí trả trước**Số cuối năm****Số đầu năm****a) Ngắn hạn**

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	82.476.360
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	918.355.698	1.295.998.005
Cộng	918.355.698	1.378.474.365

b) Dài hạn

- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp VSIP	(10.1)	4.094.755.421	4.278.306.689
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển		8.228.099.110	6.604.108.346
Cộng		12.322.854.531	10.882.415.035

(10.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 28/5/2008, diện tích thuê 12.900 m² đất tại lô số 205 Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê đất đến ngày 18/7/2048. Tổng giá trị tiền thuê đã thanh toán là 7.525.602.000 đồng, thời gian phân bổ tiền thuê là 40 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

11. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- BOEHRINGER INGELHEIM ANIMAL HEALTH FRANCE (trước đây là Merial SAS)	-	-	45.225.327.220	45.225.327.220
- Công ty CP thuốc thú y Toàn Thắng	3.208.550.400	3.208.550.400	-	-
- Công ty CP kinh doanh Thuốc Thú Y Amavet	4.452.406.150	4.452.406.150	-	-
- Công ty CP Dược và Vật tư Thú y	-	-	577.920.000	577.920.000
- Công ty CP Thuốc Thú Y Trung ương Vetvaco	-	-	6.572.383.953	6.572.383.953
- Các nhà cung cấp khác	18.909.996.049	18.909.996.049	5.798.574.157	5.798.574.157
Cộng	26.570.952.599	26.570.952.599	58.174.205.330	58.174.205.330

12. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
- Thuế GTGT phải nộp	-	26.902.522.516	26.470.656.852	431.865.664
- Thuế nhập khẩu	-	1.319.506.394	1.319.506.394	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.594.424	19.056.467.704	17.366.594.424	2.056.467.704
- Thuế thu nhập cá nhân	3.673.824.194	9.418.104.949	9.654.889.963	3.437.039.180
- Thuế khác	-	6.499.676.901	6.499.676.901	-
Cộng	4.040.418.618	63.196.278.464	61.311.324.534	5.925.372.548
b) Phải thu				
- Thuế GTGT được khấu trừ	2.333.010.803	2.333.010.803	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33.984.000	6.490.067.128	6.551.111.090	95.027.962
Cộng	2.366.994.803	8.823.077.931	6.551.111.090	95.027.962

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lương quản lý còn phải trả cho người lao động	668.020.000	-
- Lương sản xuất còn phải trả cho người lao động	10.531.010.000	2.678.210.000
Cộng	11.199.030.000	2.678.210.000

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước bán hàng hóa (*)		
- Các khách hàng khác (dưới 10% số dư doanh thu chưa thực hiện)	29.173.526.118	42.912.519.071
Cộng	29.173.526.118	42.912.519.071

(*) Đây là khoản doanh thu nhận trước mà các khách hàng đặt mua thuốc thú y theo kế hoạch, dự toán cho kỳ sau. Số lượng thuốc tương ứng sẽ được bảo quản tại kho (kho đặc thù bảo quản thuốc) của Công ty. Công ty sẽ ghi nhận doanh thu thực hiện khi hàng hóa đã xuất kho và giao cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

15. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	2.189.831.396	2.231.329.436
- Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng (15.2)	226.335.705.478	187.397.727.443
- Cổ tức còn phải trả	40.000.000.000	32.000.000.000
- Phải trả khác cho Công ty Merial SAS (15.1)	28.936.371.288	22.033.765.981
- Phải trả tiền thưởng, hoa hồng cho các đại lý	1.433.250.000	1.433.250.000
- Phải trả phí dự trữ quốc gia	5.020.074.192	1.420.158.042
- Phải trả ký quỹ ngắn hạn	440.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	850.061.750	3.953.491.750
Cộng	305.205.294.104	250.469.722.652

(15.1) Tiền hỗ trợ chi phí marketing nhận được từ Merial SAS nhằm hỗ trợ Công ty CP Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco duy trì và phát triển nhãn hiệu vắc-xin của Merial SAS theo Thỏa thuận cung cấp, bản quyền và phân phối ngày 26/9/2018.

(15.2) Chi tiết Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kho Dự trữ Quốc gia	-	104.278.046.925
- Các khách hàng khác	226.335.705.478	83.119.680.518
Cộng	226.335.705.478	187.397.727.443

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu năm	(252.848.859)	(1.155.592.137)
Tăng do trích quỹ bổ sung năm trước	70.063.867	4.214.829.240
Tăng do tạm trích quỹ kỳ này	14.386.603.800	15.647.244.038
Giảm do chi quỹ	(13.849.300.000)	(18.959.330.000)
Số dư cuối năm	354.518.808	(252.848.859)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
- Vay từ Công ty Hoa Lâm	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
Cộng	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000

Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-HL/2011 ngày 08/4/2011 và phụ lục số 01 ngày 28/3/2015 với mục đích đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án Khu trung tâm thương mại và căn hộ tại số 29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Số tiền vay là 201,5 tỷ; lãi suất cho vay cho năm 2021 là 0%. Nợ gốc từng kỳ được hoàn trả khi bên vay nhận được cổ tức từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang cho đến khi hết nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 82.680 cổ phiếu của Công ty CP Bảo Trí Invest và 118.820 cổ phiếu của Công ty CP NDC An Khang mà bên vay nắm giữ hoặc sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Cổ phiếu quỹ	(190.190.000)	-	190.190.000	-
- Quỹ Đầu tư phát triển	98.495.922.518	30.771.800.371	-	129.267.722.889
- LNST chưa phân phối	40.990.827.620	72.846.716.213	95.361.113.649	18.476.430.184
Cộng	299.296.560.138	103.618.516.584	95.551.303.649	307.744.153.073
	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	129.267.722.889	10.055.468.155	5.099.270.135	134.223.920.909
- LNST chưa phân phối	18.476.430.184	67.036.454.367	67.412.865.687	18.100.018.864
Cộng	307.744.153.073	77.091.922.522	72.512.135.822	312.323.939.773

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	18.476.430.184	40.990.827.620
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	67.036.454.367	72.846.716.213
- Tạm trích cổ tức năm nay cho cổ đông	(40.000.000.000)	(32.000.000.000)
- Tạm trích quỹ Đầu tư và phát triển năm nay	(10.055.468.155)	(21.854.014.864)
- Tạm trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm nay	(14.386.603.800)	(15.647.244.038)
- Chia bổ sung cổ tức năm trước cho cổ đông	(8.000.000.000)	(12.727.240.000)
- Trích bổ sung/hoàn nhập quỹ Đầu tư và phát triển năm trước	5.099.270.135	(8.917.785.507)
- Trích bổ sung quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm trước	(70.063.867)	(4.214.829.240)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	18.100.018.864	18.476.430.184

c) Cổ tức

	Năm 2021	Năm 2020
- Cổ tức năm trước đã công bố trong Đại hội đồng cổ đông	40.000.000.000	44.698.640.000

d) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 160.000.000.000 đồng tương đương 16.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Đơn vị tính: VNĐ*

19. Nguồn kinh phí		Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí	(19.1)	21.923.548.699	21.960.464.699
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(19.2)	969.375.000	1.321.875.000
Cộng		22.892.923.699	23.282.339.699

(19.1) Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các dự án sau:

- Dự án “Xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia” tại số 28, Đường số 6, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Quyết định đầu tư số 1425/QĐ-BNN-XD ngày 25/6/2014 với tổng mức đầu tư được duyệt là 27.733.649.000 đồng. Đến ngày 31/12/2021, Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 21.923.548.699 đồng.

(19.2) Mua tài sản cố định để phục vụ dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc-xin vô hoạt nhũ dầu quy mô công nghiệp phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm do các biến chủng mới gây ra tại Việt Nam” với số tiền là 2.115.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2021, giá trị đã khấu hao là 1.145.625.000 đồng, giá trị còn lại của tài sản cố định là 969.375.000 đồng.

20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán		Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại: USD		401.008,44	168.186,69
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (hàng dự trữ quốc gia) - VNĐ		141.169.521.640	91.651.641.425

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu từ bán thành phẩm, hàng hóa	607.952.002.097	613.600.032.995
Cộng	607.952.002.097	613.600.032.995
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	524.000.000	477.000.000
Cộng doanh thu thuần	607.428.002.097	613.123.032.995
Chi tiết Doanh thu thuần từ bán hàng:		
Doanh thu từ bán vắc-xin sản xuất	188.839.448.298	203.006.062.858
Doanh thu từ bán sản phẩm dược sản xuất	186.883.804.510	181.064.947.767
Doanh thu từ bán vắc-xin nhập khẩu	231.704.749.289	229.052.022.370
Cộng	607.428.002.097	613.123.032.995
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	393.314.920.762	389.544.254.483
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	(15.984.224.591)
Cộng	393.314.920.762	373.560.029.892

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Đơn vị tính: VNĐ*

	Năm 2021	Năm 2020
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.475.639.458	3.178.655.448
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá thực hiện	175.186.037	11.673.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	18.603.979
Cộng	1.650.825.495	3.208.933.027
4. Chi phí hoạt động tài chính		
- Chi phí lãi vay	-	31.232.877
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	414.966.829	483.165.211
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	76.158.135	-
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	2.688.694.493	3.685.695.673
Cộng	3.179.819.457	4.200.093.761
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	5.229.957.500	4.924.674.836
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.897.999.069	1.901.921.280
- Hoa hồng bán hàng, khuyến mãi	70.051.422.839	76.273.247.367
- Bảo hành sản phẩm, hàng hóa/(hoàn nhập trích dư)	(30.656.151.650)	(14.029.508.458)
- Chi phí vận chuyển	8.609.898.718	7.673.229.849
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.139.047.688	20.822.998.717
- Chi phí bằng tiền khác	4.880.130.048	4.263.708.546
Cộng	68.152.304.212	101.830.272.137
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	27.850.929.708	21.781.875.271
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.931.809.356	7.795.092.141
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.182.614.423	5.099.081.604
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.000.062.087)	(8.501.939.076)
- Tiền thuê đất, thuế phí và lệ phí	968.477.724	531.218.491
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.345.415.868	13.426.796.503
- Chi phí bằng tiền khác	4.805.667.040	8.645.050.539
Cộng	52.084.852.032	48.777.175.473
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	25.656.574	468.636.364
- Thu nhập từ cho thuê kho	2.400.000.000	4.036.363.636
- Thu nhập khác	242.000.819	12.577.361
Cộng	2.667.657.393	4.517.577.361

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Đơn vị tính: VNĐ*

8. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
- Tiền phạt vi phạm hành chính	1.337.675.590	469.679.200
- Tiền chậm nộp thuế	1.090.313.960	398.982.283
- Thuế truy thu theo Quyết định của thuế	6.493.676.901	-
Cộng	8.921.666.451	868.661.483
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.092.922.071	91.613.310.637
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.189.416.451	2.219.661.483
Thu nhập chịu thuế ước tính	95.282.338.522	93.832.972.120
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	19.056.467.704	18.766.594.424
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.056.467.704	18.766.594.424
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.036.454.367	72.846.716.213
Trừ: Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.386.603.800)	(15.647.244.038)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	52.649.850.567	57.199.472.175
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.291	3.575
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	232.994.372.547	212.838.096.691
- Chi phí nhân công	74.654.730.558	67.333.942.284
- Chi phí khấu hao	53.705.166.896	52.907.672.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.259.934.350	55.812.559.163
- Chi phí khác	84.113.534.154	105.805.709.615
Cộng	490.727.738.505	494.697.979.921

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest
 Công ty Cổ phần NDC An Khang
 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Đầu tư dài hạn
 Đầu tư dài hạn
 Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm 2021, thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát như sau:

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2021
<i>Thu nhập và lương Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc</i>		
Ông Phạm Quang Thái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.111.980.000
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	881.529.000
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	949.748.000
Ông Nguyễn Hữu Huân	Phó Tổng Giám đốc	682.990.000
Ông Dương Mạnh Lân	Phó Tổng Giám đốc	444.747.000
<i>Thu nhập Hội đồng quản trị</i>		
Ông Trâm Tuấn Khanh	Chủ tịch HĐQT	243.916.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên HĐQT	225.420.000
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên HĐQT	195.075.000
<i>Thu nhập Ban Kiểm soát</i>		
Bà Nguyễn Thị Mì Sa	Trưởng ban kiểm soát	102.000.000
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên ban kiểm soát	51.000.000
Bà Tống Thị Ngọc Nga	Thành viên ban kiểm soát	51.000.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm. Báo cáo chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh dược, bộ phận kinh doanh vắc-xin tự sản xuất, bộ phận kinh doanh vắc-xin nhập khẩu. Thông tin báo cáo bộ phận năm nay như sau:

a. Báo cáo bộ phận năm 2021

Chỉ tiêu	Kinh doanh dược	Kinh doanh vắc-xin sản xuất	Kinh doanh vắc-xin nhập	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	186.883.804.510	188.839.448.298	231.704.749.289	607.428.002.097
2. Giá vốn hàng bán	128.100.236.511	111.882.359.923	153.332.324.328	393.314.920.762
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	58.783.567.999	76.957.088.375	78.372.424.961	214.113.081.335
- Tài sản không phân bổ				918.497.855.976
Tổng tài sản				918.497.855.976
- Nợ phải trả không phân bổ				583.280.992.504
Tổng nợ phải trả				583.280.992.504

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 29A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

b. Báo cáo bộ phận năm 2020

Chỉ tiêu	Kinh doanh được	Kinh doanh vắc-xin sản xuất	Kinh doanh vắc-xin nhập	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	181.064.947.767	203.006.062.858	229.052.022.370	613.123.032.995
2. Giá vốn hàng bán	113.566.934.242	123.488.165.608	136.504.930.042	373.560.029.892
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	67.498.013.525	79.517.897.250	92.547.092.328	239.563.003.103
- Tài sản không phân bổ				923.424.116.336
Tổng tài sản				923.424.116.336
- Nợ phải trả không phân bổ				592.397.623.564
Tổng nợ phải trả				592.397.623.564

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

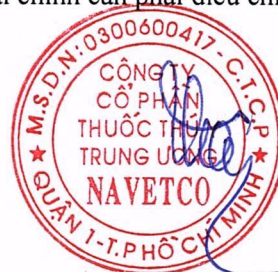
Đỗ Thị Hải Thanh

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Phạm Quang Thái

Tổng Giám đốc